

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG TRUNG HỌC KỸ THUẬT VÀ DẠY NGHỀ BẢO LỘC



BÁO CÁO KẾT QUẢ DỰ ÁN

**“ÁP DỤNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT TRỒNG XÂY DỰNG MÔ HÌNH
KINH TẾ HỘ GIA ĐÌNH NHẪM GÓP PHẦN ỔN ĐỊNH VÀ NÂNG
CAO ĐỜI SỐNG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC XÃ LỘG LÂM,
HUYỆN BẢO LÂM - TỈNH LÂM ĐỒNG”**

Cơ quan quản lý: - BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Cơ quan chủ trì : - SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG LÂM ĐỒNG

Cơ quan chuyển giao : - TRƯỜNG THPT & DẠY NGHỀ BẢO LỘC

MỞ ĐẦU

Lâm Đồng là tỉnh miền núi thuộc Nam Tây nguyên Việt Nam, có diện tích tự nhiên là 977.395 ha, khí hậu ôn hòa quanh năm, trung bình từ 17 - 22°C, lượng mưa trung bình năm là 2000 mm, độ ẩm khoảng 80 - 85%. Tài nguyên thực vật rất phong phú, với các cây công nghiệp chủ lực như cà phê, chè, điều... đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế địa phương hiện nay. Đất nông nghiệp chiếm 18,3% diện tích tự nhiên. Dân số toàn tỉnh là 1.056.477 người (niên giám thống kê năm 2000). Ngoài dân tộc kinh còn có 32 dân tộc thiểu số, gồm các dân tộc bản địa và một số ít từ miền núi phía bắc di cư vào. Đời sống đồng bào dân tộc hầu hết còn gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt là các đồng bào dân tộc vùng sâu, vùng xa sản xuất còn mang tính tự cung, tự cấp, tình trạng phá rừng làm rẫy vẫn còn xảy ra, thu nhập bình quân rất thấp. Những năm gần đây, Nhà nước đã quan tâm đầu tư cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số thông qua các chương trình 327, 120, vốn định canh, định cư, vốn xây dựng xã điểm của tỉnh..., mặt khác UBND tỉnh Lâm Đồng còn huy động các ngành, cơ quan, đoàn thể, doanh nghiệp nhận giúp đỡ các xã nghèo thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo; tuy nhiên mức độ đầu tư còn hạn chế, chưa đồng bộ, do đó đời sống của một số vùng đồng bào dân tộc còn nhiều khó khăn.

Từ nguồn vốn sự nghiệp khoa học hàng năm nhằm phát triển kinh tế - xã hội địa phương, thông qua các chương trình, đề tài, dự án; Sở Khoa học, công nghệ và Môi trường Lâm Đồng cũng đã từng bước góp phần đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đời sống của nhân dân. Đặc biệt, những năm gần đây, được sự hỗ trợ của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thông qua chương trình phát triển kinh tế - xã hội nông thôn - miền núi, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Lâm Đồng cũng đã thực hiện được một số chương trình, dự án hỗ trợ và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật đến với một số xã, huyện vùng sâu, vùng xa và vùng dân tộc ít người, từng bước góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương; trong đó có dự án "*Áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong xây dựng mô hình kinh tế hộ gia đình nhằm góp phần ổn định và nâng cao đời sống vùng đồng bào dân tộc xã Lộc Lâm, huyện Bảo Lâm - tỉnh Lâm Đồng*" được thực hiện từ năm 1999 đến 2001.

PHẦN I

CƠ SỞ ĐỂ XÂY DỰNG DỰ ÁN

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bảo Lâm là một huyện mới được thành lập theo quyết định số 65/ CP ngày 11-7-1994 của Thủ Tướng Chính phủ, nên xuất phát điểm về cơ sở hạ tầng và mức sống của người dân còn rất thấp. Cả huyện chỉ có 40 km đường nhựa, còn lại là đường đất, đặc biệt là các xã vùng sâu vùng xa đường vào các khu sản xuất của dân về mùa mưa tắc nghẽn giao thông thường xuyên xảy ra. Đặc thù kinh tế của huyện là nông nghiệp, ngành nông nghiệp chiếm tỷ trọng trên 80 % cơ cấu kinh tế của huyện, lâm nghiệp gần 10%. Nhìn chung cơ cấu kinh tế Nông - Lâm - Công - Thương mại dịch vụ của huyện đang bước đầu hình thành, quy mô sản xuất nhỏ, hình thức sản xuất còn thủ công, đơn giản, kém hiệu quả. Là một huyện miền núi, trong thời kỳ kháng chiến là vùng căn cứ địa cách mạng, hai xã Lộc Lâm, Lộc Bắc được Nhà nước tuyên dương anh hùng dân lực lượng vũ trang; dân cư phần lớn là dân kinh tế mới di dân tự do từ nơi khác đến, dân bản xứ chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ 28,05%. Đời sống đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, sản xuất còn mang tính tự cung tự cấp, bình quân thu nhập còn thấp, tình trạng phá rừng làm rẫy vẫn còn xảy ra trong đại bộ phận dân cư là người đồng bào dân tộc, tính trung bình hàng năm rừng bị phá, cháy, xâm lấn đất rừng khoảng 15%, làm suy thoái môi trường sinh thái.

II. TÌNH HÌNH CƠ BẢN CỦA HUYỆN BẢO LÂM

Tổng diện tích đất tự nhiên của toàn huyện là 145.715 ha, trong đó đất nông nghiệp và đất có khả năng nông nghiệp là 30.932 ha, dân số toàn huyện có 78.409 nhân khẩu với 16.260 hộ, trong số này có khoảng 23.897 nhân khẩu là đồng bào dân tộc K' Ho, Châu Mạ, Tày, Nùng, Hoa, Thái, Mường (chiếm tỷ lệ 30,48 %)

Huyện Bảo Lâm gồm 11 xã và 1 thị trấn, tất cả đều có bà con dân tộc thiểu số định cư sinh sống.

1. Vị trí địa lý

Phía bắc giáp tỉnh ĐakLak

Phía nam giáp Thị xã Bảo Lộc

Phía đông giáp huyện Di Linh

Phía tây giáp huyện Cát Tiên

2. Điều kiện tự nhiên

2.1. Đất đai

Là một huyện miền núi vùng cao, có địa hình khá phức tạp, tạo nên các tiềm năng khác nhau, do đó cây trồng vật nuôi đa dạng và phong phú. Điều kiện thổ nhưỡng chủ yếu là Feralit nâu đỏ, Feralit nâu vàng phát triển trên đá bazan, đá granit, đất phù sa sông suối và đồi núi trọc. Bảo Lâm có độ cao trung bình so với mặt biển từ 700m - 800m, là một huyện với cơ cấu kinh tế chủ yếu là nông nghiệp; trong nông nghiệp đã xác định cây chè, cà phê là chủ lực trong sự phát triển. Bên cạnh đó rừng cũng là thế mạnh của huyện, tuy nhiên trong những năm vừa qua tình trạng phá rừng, cháy rừng do đốt nương làm rẫy của đồng bào, xâm lấn đất rừng, vi phạm lâm luật còn xảy ra thường xuyên, cá biệt có lúc, có nơi diễn ra nghiêm trọng. Địa bàn của huyện rộng, phức tạp nhất là vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa điều kiện đi lại khó khăn, đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số còn quá thấp, thiếu vốn sản xuất, nên vấn đề đầu tư thâm canh, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật còn hạn chế, vì vậy hiệu quả sử dụng đất còn thấp. Mặt khác, các biện pháp để ngăn chặn chống rửa trôi, xói mòn đất đến nay vẫn chưa được quan tâm.

2.2. Thời tiết khí hậu

Là một huyện phía nam Tây nguyên, 1 năm có hai mùa rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 có gió Tây - Nam, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau có gió Đông - Bắc.

Nhiệt độ bình quân trong năm $21,3^{\circ}\text{C}$

Nhiệt độ tối cao $27,5^{\circ}\text{C}$

Nhiệt độ tối thấp 17°C

Độ ẩm không khí trung bình 85,5% (tháng cao nhất 91,3% - tháng 7 dương lịch, tháng thấp nhất 77,2% - tháng 2 dương lịch)

Lượng mưa trung bình trong năm 3.349 mm (tháng mưa cao nhất 617mm - tháng 7 dương lịch, thấp nhất là 05 mm - tháng 01 dương lịch)

3. Thực trạng kinh tế xã hội

3.1. Dân số và lao động

Huyện Bảo Lâm có 11 xã và 1 thị trấn, được thành lập theo Nghị định 65/CP ngày 11-4-1994 của Chính phủ, dân số của huyện là 78.409 nhân khẩu, trong đó có 39.500 người ở độ tuổi lao động. Đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ 30,48%. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm còn cao 2,61%. Dân bản xứ chủ yếu là K'Ho, Châu Mạ, còn lại là dân

từ nơi khác đến định cư chủ yếu là Kinh, Tày, Nùng với tỷ lệ khá cao.

3.2. Kinh tế

Hiện tại toàn huyện có 22.353 ha đất nông nghiệp. Hiện trạng về sản xuất theo thống kê như sau :

Cây trồng	Diện tích	Năng suất
I. Cây lương thực :		
Luá rẫy	548 ha	0,70 tấn
Luá nước	13 ha	1,70 tấn
Khoai sắn	141 ha	(4,9 tấn ; 7.9 tấn)
Ngô	70 ha	1,8 tấn
II. Cây Hoa màu .		
Rau các loại	37 ha	10.25 tấn
III. Cây công nghiệp :		
Chè	11.037 ha	4,5 tấn
Cà phê	9.529,9 ha	1,61 tấn
Dâu	776 ha	6 tấn
Mía	20 ha	29 tấn
III. Cây lâu năm khác	231,4 ha	10 tấn

Về chăn nuôi toàn huyện hiện có đàn trâu 384 con, đàn bò 3.994 con, đàn heo tổng số 14.200 con, đàn dê có 500 con, gia cầm 52.000 con có 98 ha mặt nước hồ ao nuôi cá. Nhưng so với tiềm năng của địa phương thì đây là một con số còn thấp, tình hình chăn nuôi trên địa bàn phần lớn là quy mô nhỏ, trình độ khoa học kỹ thuật thấp, giống chưa đảm bảo, trong đại bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số tập quán chăn nuôi thả rông còn phổ biến, do đó hiện tượng đồng huyết xảy ra trong chăn nuôi là điều không thể tránh khỏi.

Những năm qua, chính sách định canh định cư của Nhà nước cùng với các chương trình 327, 120, vốn xã điểm phần nào đã giúp cho đồng bào dần dần ổn định trên cơ sở giao khoán quản lý bảo vệ rừng, trồng rừng chăm sóc rừng để tận dụng tài nguyên thiên nhiên cũng như bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn.

4. Văn hóa xã hội

Hệ thống trường học hầu hết là nhà cấp 4 và một số còn là nhà tạm. Học sinh tăng hàng năm từ 10 - 20%, tình trạng thiếu phòng học hàng năm lớn, chất lượng dạy và học còn nhiều hạn chế; con em của đồng bào do hoàn cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn nên việc bỏ học vẫn còn xảy ra. Về lĩnh vực y tế còn nhiều hạn chế về cơ sở vật chất, dụng cụ, phương tiện. Tỷ lệ đồng bào mắc các bệnh phong, bướu cổ, sốt rét,

trẻ em suy dinh dưỡng còn cao. Hệ thống thông tin liên lạc mới phát triển, hoạt động văn hóa thể thao còn thiếu thốn, đơn sơ và chất lượng thấp; báo chí, phim ảnh chưa đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng dân cư.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

Đặc thù kinh tế của huyện là nông nghiệp, chủ yếu là cây công nghiệp dài ngày. Ngành nông nghiệp chiếm tỷ trọng 80%, đất đai màu mỡ, đất nông nghiệp và có khả năng nông nghiệp lớn, khí hậu thiên nhiên ưu đãi thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp.

Trong vùng có các chương trình đã và đang thực hiện như vốn xã điểm, vốn 327, vốn định canh định cư, được đồng bào các dân tộc tham gia nhiệt tình và có trách nhiệm.

2. Khó khăn

Đời sống nhân dân còn thấp, mặt bằng dân trí còn thấp, trình độ sản xuất nông nghiệp chưa cao, cơ sở hạ tầng kém phát triển, giao thông đi lại khó khăn (chủ yếu đường đất, đèo dốc), phương tiện đi lại còn thô sơ, thông tin báo đài còn nhiều hạn chế, do đó việc tiếp thu các tiến bộ khoa học kỹ thuật còn hết sức chậm, dẫn đến tình trạng sản xuất lạc hậu, năng suất thấp.

Phong tục tập quán của đồng bào dân tộc còn nặng nề, hình thức sản xuất còn theo hướng quảng canh lạc hậu, mang tính chất tự phát; tỷ lệ người biết chữ còn thấp, dân cư lại phân tán rải rác gây khó khăn cho việc xây dựng và phát triển.

IV. YÊU CẦU ĐẶT RA CẦN GIẢI QUYẾT

Trong giai đoạn hiện nay, tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn là vấn đề hết sức quan trọng và cần thiết. Trong khuôn khổ của dự án này, việc chuyển giao các tiến bộ KHKT là cơ sở, động lực để thay đổi dần tập quán canh tác truyền thống lạc hậu, từng bước chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi một cách hợp lý và đẩy tăng nhanh tốc độ sản xuất. Đặc biệt tại các vùng sâu, vùng xa, vùng núi và vùng đồng bào dân tộc, việc chứng minh bằng hiện thực khách quan thông qua các mô hình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, áp dụng về giống mới, sử dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh nhằm đưa năng suất cây trồng vật nuôi lên cao giúp bà con dân tộc từng bước nâng cao đời sống kinh tế gia đình, hòa nhập với mức sống chung của toàn huyện, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Đối với vùng đồng bào dân tộc vùng sâu vùng xa, đời sống còn thấp, mặt bằng dân trí còn hạn chế thì vai trò của Già làng, Trưởng bản, Trưởng tộc rất có tác dụng với bà con ở thôn buôn. Do đó, việc xây dựng các mô hình kinh tế hộ gia đình dựa trên cơ sở thôn buôn, họ tộc để nâng cao tác dụng của Già làng, Trưởng tộc, trong việc vận động áp dụng tiến bộ Khoa học Công nghệ, từng bước nâng cao đời sống của bà con đồng bào dân tộc thiểu số. Từ đó hình thành và xây dựng quan hệ sản xuất mới là một yêu cầu thực tế để đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Vấn đề đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, sử dụng tổng hợp các biện pháp canh tác trên đồng ruộng để đưa năng suất cây trồng lên cao còn phải lưu ý việc chế biến nông sản sau thu hoạch, sử dụng các công cụ chế biến nhỏ đa năng để giữ được phẩm chất nông sản đồng thời góp phần giảm được sức lao động sống trong quá trình canh tác trên đồng ruộng. Như vậy, đối với đồng bào dân tộc vùng sâu vùng xa việc xây dựng mô hình kinh tế theo hộ gia đình là điều cần thiết và quan trọng. Theo tinh thần của Chính phủ và Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường về phát triển kinh tế - xã hội miền núi trên cơ sở áp dụng tiến bộ kỹ thuật, sử dụng tổng hợp hệ sinh thái tạo ra các sản phẩm hàng hóa để bảo vệ rừng hiệu quả, phủ xanh đất trống đồi núi trọc, bảo vệ rừng đầu nguồn. Trên cơ sở cuộc sống được ổn định giúp cho đồng bào từ bỏ cách làm, nếp nghĩ lạc hậu, định hướng dần theo nền sản xuất hàng hoá.

V. CHỌN VÙNG DỰ ÁN

Huyện Bảo Lâm là một huyện mới thành lập, tỷ lệ đồng bào dân tộc ít người chiếm khá cao. Sau khi bàn bạc và cân nhắc với chính quyền địa phương và các ban ngành đã thống nhất chọn xã Lộc Lâm để triển khai dự án. Xã Lộc Lâm là một xã vùng sâu, trong kháng chiến là vùng căn cứ địa Cách mạng và đã được Nhà nước tuyên dương anh hùng, là một xã có tiềm năng phát triển về nông nghiệp và cây công nghiệp dài ngày, có thế mạnh về mặt lâm nghiệp. Kết quả thành công của mô hình sẽ là cơ sở để tiếp tục triển khai đến các xã lân cận, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn trên địa bàn huyện.

PHẦN II

ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN - KINH TẾ XÃ HỘI XÃ LỘC LÂM

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ CỦA XÃ LỘC LÂM

Xã Lộc Lâm trước đây thuộc huyện Bảo Lộc có diện tích rất rộng. Sau khi thành lập huyện mới (Bảo Lâm), xã được tách ra làm hai xã là Lộc Lâm và Lộc Phú (đều thuộc huyện Bảo Lâm), trước đây là căn cứ địa cách mạng, những năm sau giải phóng mặc dù có sự đầu tư của Nhà nước nhưng sự phát triển đi lên của vùng còn chậm. Xã Lộc Lâm có tọa độ địa lý : $11^{\circ}43'$ đến $11^{\circ}53'33''$ độ vĩ bắc ; $107^{\circ}45'$ đến $107^{\circ}68'$ độ Kinh đông.

Phía bắc giáp ĐakLak

Phía nam giáp xã Lộc Quăng

Phía tây giáp xã Lộc Bảo

Phía đông giáp Huyện Di Linh

II. DIỆN TÍCH - ĐỊA HÌNH - LOẠI ĐẤT

Tổng diện tích đất tự nhiên 13.440 ha. Trong đó:

Đất nông nghiệp đã sử dụng 609,5ha

Đất lâm nghiệp 9.894,45 ha

Đất chưa sử dụng và đất khác : 2.936,05 ha

(Trong đó : Đất có khả năng nông lâm nghiệp : 2.684 ha)

Lộc Lâm là một xã cực bắc của huyện Bảo Lâm có địa thế hình lòng chảo, xen kẽ đồi nhỏ bát úp, độ cao trung bình 700 - 800 m so với mặt biển. Đất đai chủ yếu là Feralit nâu đỏ/ bazan, Feralit nâu vàng/ bazan, Feralit nâu vàng/ granit, đỏ vàng/ phiến thạch, rải rác có một số ít đất có nguồn gốc phù ra sông suối. Có tiềm năng khai thác để phát triển, đồng thời mở rộng diện tích đất nông lâm nghiệp đặc biệt là các loại cây công nghiệp, cây rừng đặc dụng.

III. DÂN SỐ - KINH TẾ

Xã Lộc lâm có 282 hộ với 1.519 nhân khẩu (số liệu năm 2000), trong đó chiếm 95% dân số là đồng bào dân tộc tại chỗ tập trung ba dân tộc chủ yếu là K'Ho, Châu Mạ và Chu Ru; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên trên 2,8% . Tổng số hộ đói nghèo và chính sách trong toàn xã là 76 hộ, chiếm tỷ lệ 30 % thường xuyên thiếu đói. Toàn xã có 3 thôn trong đó có nhiều ấp, buôn nhỏ.

Đồng bào xã Lộc Lâm sống chủ yếu vào nghề rừng và sản xuất nông nghiệp, toàn xã có 228 ha chè (năng suất 32 tạ /ha), 282,7 ha cà

phê (năng suất 5,1 tạ /ha), 82 ha lúa rẫy (năng suất 1 tấn/ ha), 9.470 ha rừng tự nhiên, 424 ha rừng trồng . Hầu hết diện tích trồng cây công nghiệp đang ở trong giai đoạn kiến thiết cơ bản, có một số diện tích chừa ở giai đoạn kinh doanh nhưng của các chủ người Kinh, phụ canh trên địa bàn của xã. Hầu hết người dân sống chủ yếu về nông nghiệp, các giống cây trồng chủ yếu là giống địa phương, năng suất, chất lượng thấp .

Về chăn nuôi, toàn xã hiện có 18 con trâu, 308 con bò, 63 con heo. Tuy có về mặt số lượng nhưng nhìn chung mặt chăn nuôi của xã chậm phát triển, giống gia súc chủ yếu là giống địa phương, phương thức nuôi còn lạc hậu - chăn thả rông; việc sử dụng thức ăn công nghiệp trong chăn nuôi chưa được áp dụng, các tiến bộ trong công tác lai tạo để sinh hoá đàn bò, lợn lai F1 chưa được đặt ra. Nhìn chung đồng bào dân tộc xã Lộc Lâm chăn nuôi để tự cung và tự cấp là chính .

Xã Lộc nằm cách trung tâm huyện Bảo Lâm 25 km, là đường độc đạo , cơ sở huyết mạch giao lưu hàng hoá đã hư hỏng nặng. Hiện tại toàn xã có 7 phòng học cấp 4 trong đó 5 phòng xây dựng năm 1977, 2 phòng xây dựng năm 1996, một trạm xá. Mặt bằng dân trí còn thấp , tỷ lệ người biết chữ còn ít do đó trong sản xuất việc đưa năng suất cây trồng vật nuôi lên để từ đó nâng cao đời sống là điểm hết sức khó khăn, hơn nữa việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất còn rất hạn chế hầu như chưa có gì, phong tục tập quán còn nặng nề, canh tác theo lối quảng canh, du canh, du cư vẫn còn đè nặng trong tiềm thức của bà con đồng bào dân tộc thiểu số. Bình quân thu nhập trên đầu người lao động nông nghiệp còn thấp 28.103 đ/ khẩu/ tháng.

Đánh giá chung về xã Lộc Lâm :

(i): Khó khăn

Xã nằm sâu so với trung tâm huyện , cơ sở hạ tầng chưa phát triển. việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật hầu như không có dẫn đến tình trạng thiếu đói thường xuyên.

Phương thức canh tác còn lạc hậu, chưa có các mô hình tiên tiến để vận dụng, phong tục tập quán còn nặng nề, nạn du canh, du cư vẫn còn xảy ra, sản xuất còn mang tính tự cung tự cấp .

Tỷ lệ người biết chữ còn thấp, các loại hình văn hoá ít phát triển. Tuy có nhiều tiềm năng để phát triển nhưng mức độ vận dụng rất hạn chế, mặc dù có sự đầu tư của Nhà nước nhưng thiếu đồng bộ nên hiệu quả sản xuất không cao .

(ii): Thuận lợi

Được tỉnh Lâm Đồng xác định là xã điểm xây dựng khu dân cư đồng bào dân tộc. Được chính quyền địa phương (huyện, xã) quan tâm và ủng hộ việc chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống.

Tài nguyên đất đai để mở mang về nông nghiệp còn lớn, đã xác định được cơ cấu cây trồng, con giống chủ lực theo định hướng của huyện. Có khả năng phát triển một số ngành nghề phối kết hợp, tận dụng được nhiều lao động, nhiều môi trường sinh thái như nông - lâm - súc, nông - lâm - công nghiệp.

Đồng bào cần cù, chịu khó, sức lao động dồi dào, bên cạnh đó có một số diện tích của người Kinh phụ canh tại xã, với sự kết hợp của các chương trình khác, sẽ cùng thúc đẩy sự học tập của đồng bào để thay đổi phương thức, tập quán canh tác.

PHẦN III

MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. MỤC TIÊU

1. Về khoa học công nghệ

- Tổ chức đào tạo tập huấn, hội thảo, giúp đồng bào dân tộc nắm bắt được các công việc thao tác trong quá trình canh tác, tăng cường sự ổn định trong cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, từ đó xoá bỏ phương thức canh tác lạc hậu.

- Thông qua các mô hình hộ gia đình để chuyển giao các công nghệ tiên tiến, giống mới, kỹ thuật gieo trồng, chăm sóc, các biện pháp luân, xen canh, cải tạo đất, bảo vệ đất, chống rửa trôi, xói mòn.

2. Về Kinh tế

- Tạo thêm sản phẩm cho xã hội, từng bước đẩy lùi nạn đói ở các hộ gia đình đồng bào;

- Trên cơ sở đầu tư hỗ trợ về giống mới, kỹ thuật, đào tạo giúp cho đồng bào thấy được hiệu quả trước mắt cũng như lâu dài để yên tâm với cuộc sống định canh định cư bằng các biện pháp đẩy mạnh nâng cao năng suất cây trồng.

3. Về Xã hội - Môi trường

- Tạo thêm công ăn việc làm cho đồng bào, trên cơ sở đầu tư lao động có hiệu quả, cũng như đầu tư về vật tư thu được lợi nhuận, chuyển dần lao động đơn giản thành lao động kỹ thuật, trong quá trình áp dụng tiến bộ công nghệ chuyển đổi giống mới góp phần giúp đồng bào dân tộc định canh, định cư ổn định cuộc sống.

- Nâng cao đời sống, ổn định cuộc sống, đẩy lùi nạn đói, hiểu được ý nghĩa phải bảo vệ màu xanh, đẩy lùi phong tục tập quán lạc hậu, canh tác theo kiểu cũ, sẽ góp phần bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường, góp phần bảo vệ rừng đầu nguồn một cách thiết thực.

II. NỘI DUNG

Xây dựng các mô hình:

1. Mô hình kỹ thuật canh tác chè theo hướng vườn rừng
2. Mô hình kỹ thuật canh tác cà phê theo hướng vườn rừng
3. Mô hình xây dựng vườn ươm giống cây
4. Đào tạo - Huấn luyện - tuyên truyền phổ cập công nghệ

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Điều tra, khảo sát, xây dựng và bảo vệ dự án, chọn hộ gia đình tham gia dự án

a. Khảo sát, xây dựng và bảo vệ dự án

Bắt đầu tháng 8 /1998 đã tổ chức nhiều đợt khảo sát tại vùng dự án, điều tra thu thập số liệu thực tế tại địa phương, trên cơ sở các dữ liệu đã có, kết hợp với các ban ngành chuyên môn trong tỉnh xác định các nhiệm vụ thực hiện. Đề cương thuyết minh đã được Hội đồng Khoa học của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường xét duyệt và thông qua vào tháng 12 năm 1998.

b. Đối tượng tham gia dự án:

Việc chọn hộ gia đình tham gia các mô hình của dự án được tiến hành khai trương trong năm đầu tiên thực hiện dự án, với sự chọn lựa hộ gia đình của địa phương, của từng buôn, thôn, Ban chủ nhiệm dự án tiến hành kiểm tra đồng ruộng và cho các hộ gia đình ký cam kết tham gia thực hiện các mô hình. Trong việc chọn hộ gia đình, có sự tham gia của một số hộ gia đình người Kinh sinh sống tại chỗ làm nông cốt cho các mô hình, giúp đỡ phổ biến truyền đạt kinh nghiệm cho bà con dân tộc thiểu số nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện các mô hình dự án.

2. Mô hình kỹ thuật canh tác chè theo hướng vườn rừng

Trên cơ sở mục tiêu của dự án đã chọn các hộ gia đình ở các thôn trong xã tham gia vào mô hình, để đưa các biện pháp kỹ thuật canh tác thâm canh chè, hướng dẫn và đầu tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giúp các hộ gia đình sử dụng có hiệu quả, nâng cao hiệu suất sử dụng phân bón đối với cây trồng, trên diện tích chè trồng bằng hạt của những năm trước đây hầu hết nông dân canh tác thiếu đầu tư chăm sóc, không biết áp dụng các biện pháp thâm canh, chủ yếu là lợi dụng khai thác khả năng của cây và độ phì tự nhiên của đất, làm cho đất đai ngày càng bạc màu, năng suất cây chè ngày càng giảm do đó chưa thấy giá trị cao của cây chè trong điều kiện khí hậu thời tiết thuận lợi được thiên nhiên ưu đãi. Việc chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật về giống chè mới TB14 sản xuất theo phương pháp giám canh vào các hộ gia đình, hướng dẫn bà con nông dân nắm chắc các biện pháp kỹ thuật tác động từ khâu trồng mới, chăm sóc ở giai đoạn kiến thiết cơ bản và giai đoạn kinh doanh, các biện pháp kỹ thuật đốn chè, hái chè, bón phân, chăm sóc, trồng xen cây che phủ đất, cây che bóng, cây ăn trái nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất trên cơ sở bảo vệ môi trường sinh thái, duy trì và nâng cao độ phì của đất.

- Đã thực hiện đầu tư chăm sóc 20 ha chè hạt với 68 hộ gia đình tham gia. (10 hộ gia đình người Kinh)

- Đã thực hiện đầu tư trồng mới 4 ha chè cành TB14 với 40 hộ gia đình tham gia (6 hộ gia đình người Kinh)

- Đầu tư 33.000 kg phân bón các loại

- Đầu tư 43.140 cây chè giống TB14, 400 cây sầu riêng, 40 kg hạt giống cây phân xanh, 4.000 cây muồng đen và các loại thuốc phòng trừ sâu bệnh.

Sau thời gian hơn 2 năm triển khai dự án thông qua mô hình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong đầu tư trồng mới chè cành TB 14, chăm sóc chè hạt, bà con đồng bào dân tộc đã tự tin hơn trong cách làm, đã biết sử dụng các biện pháp canh tác hợp lý bám theo qui trình và sự hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật đã thúc đẩy vườn chè sinh trưởng phát triển tốt, diện tích trồng chè cành có tỷ lệ sống trên 95%, qua điều tra khảo sát ở các hộ gia đình tham gia dự án cho thấy các diện tích đầu tư chăm sóc chè hạt năng suất tăng rõ rệt từ 15-20%, các hộ gia đình tham gia mô hình đã trở thành hạt nhân trong việc vận động nông dân áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác tiên tiến để nâng cao năng suất cây trồng, ổn định đời sống kinh tế, góp phần xoá bỏ tập quán du canh du cư.

3. Mô hình kỹ thuật cà phê theo hướng vườn rừng

Với diện tích của toàn Xã hiện có là 282,7 ha cà phê với đã trồng trước đây, ở các hộ đồng bào dân tộc năng suất cà phê chỉ dừng lại ở mức 5,1 tạ/ha, do việc đầu tư thâm canh còn hạn chế, canh tác theo lối quảng canh, chăm sóc không theo qui trình, có gia đình tự bỏ tiền ra để mua phân bón đầu tư trong những năm giá cả cà phê trên thị trường cao thì vấn đề lựa chọn loại phân bón cho cây cà phê và vùng đất lại không phù hợp và cân đối dẫn đến tình trạng vườn cà phê xuống cấp, năng suất thấp, đất đai vườn cà phê bị chua hóa, chai cứng bạc màu. Việc đưa giống Cà phê Catimor có nhiều ưu điểm về chất lượng, tính chống chịu, năng suất vào sản xuất có tầm quan trọng lớn nhằm tăng nhanh sản lượng cà phê của địa phương. Sử dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh cà phê kết hợp trồng cây che bóng, cây ăn trái, đai rừng chắn gió sử dụng nhiều tầng sinh thái, chống rửa trôi xói mòn đầu tư phân bón cân đối hợp lý phù hợp với nhu cầu của cây cà phê, áp dụng các biện pháp cắt tỉa cành, tạo hình, trồng xen, bảo vệ thực vật nhằm bảo vệ đất, bảo vệ môi trường sinh thái, khôi phục cải tạo vườn cà phê, nâng cao năng suất có ý nghĩa lớn.

- Đã thực hiện đầu tư chăm sóc 30 ha cà phê Robusta với 100 hộ gia đình tham gia. (15 hộ người Kinh)

- Đã thực hiện đầu tư trồng mới 3 ha cà phê Catimor với 30 hộ gia đình tham gia . (8 hộ người Kinh)

- Đầu tư 36.655 kg phân bón các loại.

- Đầu tư 13.500 cây giống cà phê Catimor, 300 cây sầu riêng, 30 kg hạt cây phân xanh, 3000 cây muồng đen và các loại thuốc phòng trừ sâu bệnh .

Qua thời gian triển khai mô hình cà phê đã giúp bà con nông dân thu được kết quả khả quan, nông dân tự tin khi áp dụng các biện pháp đầu tư thâm canh, dần dần thực hiện tốt qui trình kỹ thuật và thực hiện các biện pháp kỹ thuật chăm sóc đúng theo sự hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật, sử dụng các tiến bộ khoa học công nghệ làm cho vườn cà phê của các hộ gia đình tham gia dự án sinh trưởng tốt, có nhiều hứa hẹn thu được năng suất cao, nhằm góp phần xoá dần tập quán du canh du cư góp phần ổn định đời sống. Được sự hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật trong từng khâu công việc đã giúp cho bà con nông dân thấy được hiệu quả thiết thực. Đến nay tỷ lệ sống của diện tích trồng mới cà phê Catimor đạt tỷ lệ sống cao, năng suất của 30 ha có đầu tư chăm sóc tăng từ 15 - 30% .

4. Mô hình xây dựng vườn ươm giống cây

Cây con giống đạt tiêu chuẩn trong sản xuất tại xã Lộc Lâm hiện nay là một vấn đề cấp thiết, vì hầu hết các giống cây trồng đều được vận chuyển từ Trung tâm huyện Bảo Lâm, do đó chi phí giá thành cho giống cây con cao; mặt khác nếu là giống cây con sản xuất tại chỗ thì chất lượng không đảm bảo. Vì vậy, mô hình vườn ươm tại chỗ là hướng giải quyết có tính chiến lược cho vùng cây công nghiệp của Xã. Thông qua việc xây dựng các mô hình chuẩn vườn ươm cây giống, ngoài nhiệm vụ cung cấp giống cây con đạt tiêu chuẩn phục vụ phát triển sản xuất là còn giúp cho bà con nông dân của vùng dự án học tập và có thể tự triển khai xây dựng mô hình vườn ươm tại hộ gia đình theo hướng chuyên.

Trong thời gian triển khai dự án đã xây dựng 0,2 ha vườn ươm trên cơ sở sẵn có về đất đai, lao động, điều kiện của địa phương và sự đầu tư của dự án. Cán bộ kỹ thuật đã hướng dẫn và chỉ đạo nông dân ươm được 10.000 cây cà phê, hơn 30.000 cây chè cành và cây rừng. Đây là kết quả bước đầu tạo được niềm tin cho nông dân, từ chỗ chưa biết cách nhân giống dù đó là những phương pháp đơn giản nhất, đến nay bà con đồng bào dân tộc thiểu số có thể tự sản xuất ra các loại cây giống để phục vụ cho nhu cầu phát triển sản xuất tại địa phương.

5. Đào tạo - huấn luyện - tuyên truyền phổ cập công nghệ

Trong thời gian qua việc tổ chức triển khai các mô hình trình diễn về tiến bộ công nghệ như chuyển giao giống mới, kỹ thuật canh tác, thâm canh, ở các hộ gia đình tham gia các mô hình, trong đó trên diện tích của gia làng, trưởng bản đã thực hiện có hiệu quả cao của từng mô hình do đó đã mang tính thuyết phục cao đối với bà con đồng bào dân tộc trong cộng đồng áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác. Bên cạnh đó thông qua lớp đào tạo kỹ thuật viên mà nòng cốt là gia làng, trưởng thôn, bản và tầng lớp thanh niên trẻ đã tạo được đội ngũ công tác viên cơ sở để triển khai nhân rộng tiến bộ, đồng thời bên cạnh đó thông qua các lớp tập huấn theo từng mô hình như : kỹ thuật trồng chè cành, kỹ thuật chăm sóc chè hạt, kỹ thuật trồng và chăm sóc cà phê Catimor, kỹ thuật chăm sóc cà phê Robusta, kỹ thuật nhân giống cây trồng, đã giúp bà con nông dân nắm chắc chắn các biện pháp tác động trên vườn hộ của mình, qua các lớp tập huấn đã cung cấp các tài liệu có liên quan để tự tham khảo trong quá trình sản xuất, học tập trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau, bàn bạc những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn đã tạo được không khí sôi nổi. Sau thời gian thực hiện các mô hình trình diễn đã tiến hành tổ chức các buổi hội thảo nông dân để nhận xét rút kinh nghiệm theo từng địa bàn dân cư qua đó để khuyến khích động viên tinh thần của bà con đồng bào dân tộc, biểu dương các hộ gia đình thực hiện tốt mô hình, bàn bạc những vấn đề nảy sinh trong thực tế sản xuất đồng thời để nhân rộng tiến bộ khoa học kỹ thuật. Qua những buổi tập huấn và hội thảo bà con nông dân đã mạnh dạn trao đổi kiến thức đã thu thập được sau đó truyền đạt lại cho họ hàng và bà con trong thôn buôn, từ đó thấy tin tưởng ổn định cuộc sống khi được áp dụng tiến bộ kỹ thuật trên đồng ruộng của mình.

Kết quả đạt được :

- Đào tạo kỹ thuật viên trồng chè, cà phê và vườn ươm: 3 lớp với 300 lượt người tham gia .

- Tập huấn kỹ thuật trồng chè cành với 150 lượt người tham gia.

- Tập huấn kỹ thuật chăm sóc chè hạt với 300 lượt người tham gia.

- Tập huấn kỹ thuật chăm sóc cà phê với 300 lượt người tham gia.

- Tập huấn kỹ thuật trồng cà phê catimor với 150 lượt người tham gia.

- Tập huấn kỹ thuật nhân giống cây trồng với 300 lượt người tham gia.

- Tổ chức hội thảo đầu bờ các mô hình với 300 lượt người tham gia.

In ấn tài liệu phục vụ cho đào tạo, tập huấn, hội thảo:

+ 8000 trang tài liệu kỹ thuật; 4000 trang tài liệu bướm.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

1. Giá trị khoa học

Với đặc điểm khí hậu đất đai chủ yếu là Feralit nâu đỏ / bazan, Feralit nâu vàng / bazan Feralit nâu vàng / granit, đỏ vàng / phiến thạch, rải rác có một số ít đất có nguồn gốc phù sa sông suối. Thực trạng cơ cấu cây trồng chưa có tính ổn định, trình độ sản xuất nông nghiệp còn lạc hậu. Do đó, việc đề xuất lại cơ cấu cây trồng theo hướng ưu tiên và kết quả thực hiện đã đánh giá được hướng đi hợp lý, làm cơ sở cho việc hoạch định chiến lược phát triển kinh tế nông nghiệp địa phương.

2. Giá trị kinh tế

Mô hình thâm canh trồng mới giống chè cành, theo đánh giá kết quả bước đầu sau 2 năm trồng mới đã cho thu hoạch bói với năng suất 2,5 - 3 tấn/ha, dự kiến sau thời gian kiến thiết cơ bản đến thời kỳ kinh doanh sẽ cho năng suất đạt 14 tấn / ha, giá trị cao hơn 2 đến 3 lần các loại chè trồng bằng hạt; giống cà phê Catimor sau 2 năm triển khai đã cho thu hoạch bói, dự kiến năng suất vào thời kỳ kinh doanh đạt 2,5 đến 3 tấn nhân/ ha; ngoài ra, thông qua việc ứng dụng các TBKT trong chăm sóc và cải tạo các diện tích chè hạt và cà phê hiện có, đã tăng năng suất chè hạt từ 32 tạ/ ha lên 50 tạ / ha, năng suất cà phê hiện có từ 5,1 tạ / ha lên 10 tạ / ha.

Mô hình vườn ươm đã cung cấp khoảng 30.000 cây giống các loại.

Hiện nay, thu nhập nông hộ từng bước được cải thiện, đời sống kinh tế - xã hội ngày một khởi sắc hơn; hiện nay, đã có một số nông hộ chủ động vay vốn Nhà nước đầu tư mở rộng mô hình, phát triển sản xuất.

3. Ý nghĩa xã hội

Việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật đã thật sự trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội. Các kết quả đạt được thông qua các mô hình trên đã được bà con nông dân và các cấp chính quyền địa phương từ xã đến huyện đánh giá cao. Các mô hình thực nghiệm trên đã được các ngành chỉ đạo tiếp tục phát triển sản xuất, nhân rộng mô hình.

Trên cơ sở các mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật, cùng với đào tạo, tập huấn, huấn luyện và chuyển giao công nghệ, giúp cho đồng bào dân tộc nâng cao nhận thức về khoa học công nghệ, cũng như kỹ thuật canh tác mới, xóa bỏ các tập quán lạc hậu góp phần xây dựng kinh tế hộ gia đình và phát triển nông thôn theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

PHẦN IV

KẾT LUẬN & KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Sau hơn 2 năm tổ chức thực hiện dự án tại xã Lộc Lâm với sự tham gia nhiệt tình của đội ngũ cán bộ kỹ thuật và giáo viên chúng tôi có những kết luận như sau:

- Việc chọn lọc và áp dụng các kỹ thuật tiến bộ hợp lý vào vùng đồng bào dân tộc vùng sâu vùng xa phù hợp với thực trạng phát triển kinh tế - xã hội là cơ sở thành công của dự án;

- Kết quả thành công của các mô hình thử nghiệm là cơ sở để ổn định cơ cấu cây trồng hợp lý, là cơ sở khoa học để phát triển kinh tế vườn hộ, ổn định cuộc sống, xoá bỏ tập quán phát rừng làm rẫy, du canh, du cư.

- Đã đào tạo được đội ngũ cộng tác viên đặc lực, mà nòng cốt là thanh niên dân tộc, Già làng trưởng bản và các hộ người Kìh sống trong khu vực. Trong quá trình thực hiện dự án, đây là lực lượng kỹ thuật cơ sở hiệu quả nhất, kịp thời báo cáo những vướng mắc có thể xảy ra trong quá trình triển khai thực hiện để các cán bộ kỹ thuật và Ban chỉ đạo dự án can thiệp kịp thời.

- Thông qua các lớp tập huấn và hướng dẫn trực tiếp của cán bộ kỹ thuật ngay trên đồng ruộng, nhận thức của bà con nông dân về kỹ thuật trồng và chăm sóc từng loại cây trồng đã được nâng lên rõ rệt, các vườn hộ gia đình ngày nay đã được đầu tư, chăm sóc có quy mô hơn.

- Kinh phí đầu tư đã được sử dụng đúng với từng nội dung đã được phê duyệt trên từng mô hình. Về cơ bản thực hiện các mô hình đúng theo kế hoạch, mục tiêu nhiệm vụ của dự án đã được phê duyệt.

- Về phía nhà trường - cơ quan thực hiện dự án - đã tích cực động viên đội ngũ cán bộ kỹ thuật, Thầy cô giáo và cán bộ công nhân viên trong toàn trường cùng gắn bó với Ban Chủ nhiệm dự án, hòa mình với địa phương, tham gia chỉ đạo sản xuất trên các mô hình kinh tế hộ gia đình của đồng bào dân tộc xã Lộc Lâm, tạo điều kiện giúp đỡ bà con nông dân trong mọi hoạt động đời sống xã hội, toàn Trường đã dấy lên phong trào tương thân tương ái giúp đỡ đồng bào dân tộc trong Xã. Với sự nhiệt tình đầy trách nhiệm đó, đã giúp nhà trường hoàn thành được dự án có hiệu quả, được địa phương và bà con đồng bào dân tộc xã Lộc Lâm đánh giá cao.

2. Kiến nghị

Qua thời gian triển khai Dự án “áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong xây dựng mô hình kinh tế hộ gia đình nhằm góp phần ổn định và nâng cao đời sống vùng đồng bào dân tộc xã Lộc Lâm huyện Bảo Lâm - tỉnh Lâm Đồng”, chúng tôi xin có một số kiến nghị như sau:

- Hiện nay, kinh phí để tiếp tục duy trì và nhân rộng mô hình khi dự án kết thúc còn hạn chế, đề nghị chính quyền địa phương (Tỉnh, Huyện) có chính sách hợp lý để phát huy hiệu quả của chương trình.

- Nên có nhiều hình thức nâng cao trình độ trong kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi cho đội ngũ kỹ thuật viên cơ sở để làm nòng cốt trong việc nhân rộng các mô hình.

- Hiện nay, vấn đề bảo vệ môi trường, phát triển nông nghiệp bền vững hầu như còn mang tính thời sự đối với một số vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Hiện tượng chăn nuôi thả rông, chuồng trại sát ngay với nơi sinh hoạt, vấn đề sử dụng nước sạch, rác thải bữa ăn vẫn còn chưa được quan tâm. Vì vậy, trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi cần lưu ý và có chính sách cân đối hợp lý.

KỸ THUẬT CHĂM SÓC CÀ PHÊ VỚI



1. Trồng dặm:

Sau khi trồng mới 1 tháng thường xuyên kiểm tra để trồng dặm những cây bị chết, bị sâu bệnh hoặc gia súc phá hoại. (công việc trồng dặm tiến hành đến hết năm thứ hai kiến thiết cơ bản).

2. Làm cỏ:

Tiến hành làm cỏ 4 - 6 lần/năm.

Làm cỏ trắng 1 lần vào tháng 10 - 11.

Làm cỏ gốc 2 - 3 lần vào tháng 5 - 9.

Làm cỏ hàng 1 - 2 lần vào tháng 3 - 4 hoặc tháng 8 - 9.

(Có thể dùng thuốc trừ cỏ bán ở thị trường xong cần phải xem kỹ hướng dẫn của từng loại thuốc).

3. Bón phân:

Lượng phân bón như bảng sau: (tính theo lượng phân nguyên chất cho 1 ha (kg/ha)).

Năm bón	Urê	Lân điển	vân K ₂ O (kali)
Năm thứ nhất	195	375	85
Năm thứ hai	260	625	100
Năm thứ ba	435	750	250
Thời kỳ kinh doanh	435	935	330
Cửa đồn phục hồi	325 - 435	625 - 935	250 - 330

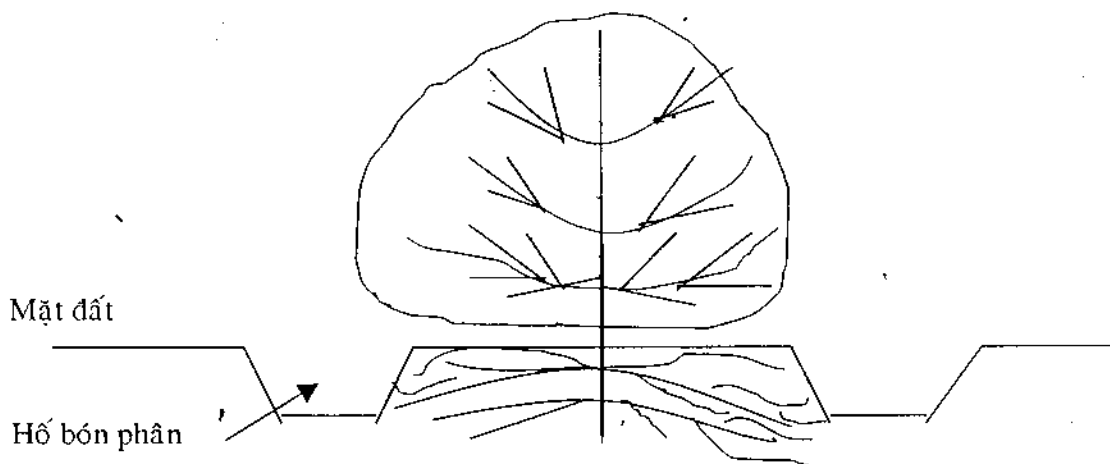
Thời vụ và tỷ lệ bón ở mỗi lần trong năm:

Loại phân	Tỷ lệ bón ở các tháng (%)		
	3 - 4	6 - 7	9 - 10
Đạm	35	40	25
Lân	-	40	60
Kali	30	40	30

Phân hữu cơ: 1 năm bón 1 lần 15 - 20 tấn/ha bón vào đầu hoặc cuối mùa mưa.

*** Kỹ thuật bón:**

- *Phân hữu cơ*: Đào hố hình vành khăn $\frac{1}{3}$ hàng $\frac{1}{2}$ chu vi mép tán ngoài cây, sâu 30 - 40cm, rộng 20 - 30cm, cho phân xuống lấp kỹ (xem hình).

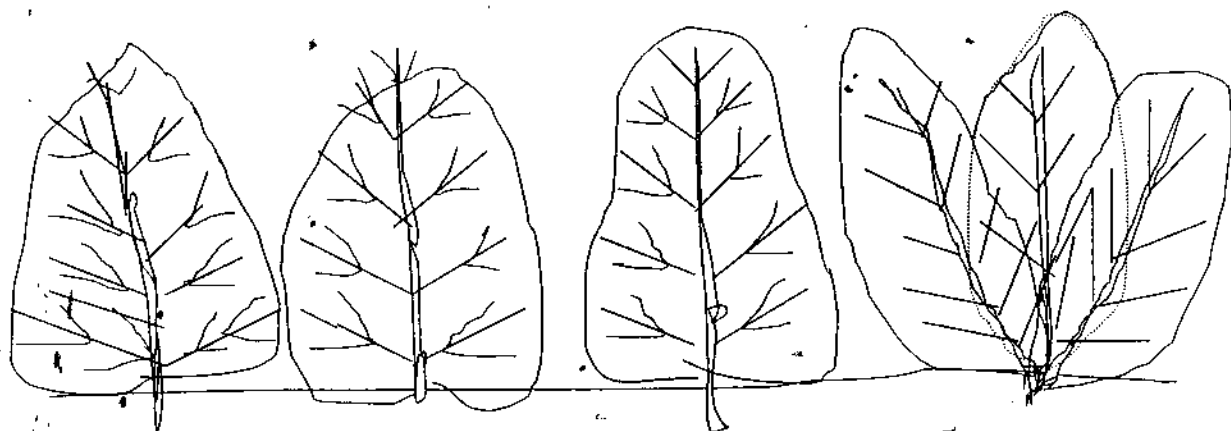


- *Phân vô cơ*: Trộn đều các loại phân sau đó rải đều vào vùng xung quanh mép tán ngoài tán lá, lấy cuốc xăm lấp kỹ (nên kết hợp bón cùng phân hữu cơ). Có thể dùng thêm 1 số loại phân vi lượng để phun lên lá hoặc phân hữu cơ vi sinh ... đang bán ở thị trường nhưng cần xem kỹ hướng dẫn cách dùng).

4. Tưới nước: Về mùa khô tưới 40 - 60 lít nước/hố/lần, cách 20 - 30 ngày tưới 1 lần.

5. Tạo hình, sửa cành: Khi cây cao 1,4 - 1,8m bấm ngọn cố định độ cao nuôi 2 - 3 thân chính.

Thường xuyên loại bỏ cành vượt, cành sâu bệnh, cành khô, già yếu, ít khả năng cho quả, cành chùm, cành mọc ở vị trí không đúng (xem hình).



A: Cây chưa bấm ngọn.

C: Vị trí bấm ngọn

E: Nuôi 2 thân

B: Cây đã bấm ngọn.

D: Nuôi 1 thân.

* Thường xuyên rong tỉa cành cây che bóng để khỏi ảnh hưởng tới cà phê.

6. Phòng trừ sâu bệnh: Dùng thuốc gốc đồng phun định kỳ phòng bệnh trên lá 1 tháng 1 lần, nếu có côn trùng như rệp, các đối tượng ăn lá dùng Bi 58.50ND, Bassa, Sevin ... 2-3‰ (nếu dùng thuốc mới cần xem kỹ hướng dẫn sử dụng).

KỸ THUẬT TRỒNG MỚI CÀ PHÊ CHÈ CATINIOR



1. Tiêu chuẩn cây giống: Chiều cao cây lớn hơn 25cm có 5-6 cặp lá thật sạch sâu bệnh, không dị hình.

2. Thời vụ trồng ở Lâm Đồng: Từ 15/5 đến 15/8.

3. Đào hố: Trước khi trồng 1 tháng đào hố kích thước sâu 50cm, rộng 50cm, bón lót 8kg phân hữu cơ + 0,5kg supe lân + đất mặt, lấp đầy hố. Cứ 10m² đào 4-5 hố (khoảng cách hố x hố là 1,5m x 1,5m).

4. Trồng mới: Đặt bầu giữa hố, rạch và rút nilông ra, mặt bầu âm cách mặt đất 15-20cm cho đất nén chặt. Tưới và phủ rác khô, làm sạch cỏ, gieo cây phân xanh giữa 2 hàng cà phê:

5. Trồng cây che bóng:

✓ Cây che bóng tạm thời: Có thể dùng cây phân xanh hoặc cây trồng xen gieo giữa 2 hàng cà phê.

✓ Cây che bóng vĩnh viễn: Trồng cùng thời điểm trồng mới cà phê và trồng ngay trên hàng cà phê, nên trồng 2 tầng.

- *Tầng thấp*: Khoảng cách cây che bóng: 6x7,5m (cứ 5 hàng cà phê trồng 1 hàng cây che bóng. Trên 1 hàng cây che bóng cứ cách 5 cây cà phê trồng 1 cây che bóng).

- *Tầng cao*: Khoảng cách cây che bóng: 24x7,5 (cứ 17 hàng cà phê trồng 1 hàng cây che bóng. Trên 1 hàng cây che bóng cứ cách 5 cây cà phê trồng 1 cây che bóng).

- Cây dùng làm cây che bóng: Bồ kết dại, keo đầu, muồng đen, cây ăn trái ...

- Lưu ý cần rong tỉa thường xuyên cành cây che bóng để khỏi ảnh hưởng tới cà phê.

QUY TRÌNH KỸ THUẬT TRỒNG MỚI CHÈ CÀNH TB-14

Cây chè là cây công nghiệp lâu năm, chỉ trồng mới 1 lần, thời gian dinh doanh có thể kéo dài 30 - 40 năm. Yêu cầu về đất trồng chè không nghiêm khắc lắm nhưng không phải bất kỳ loại đất nào cũng trồng chè được, do vậy việc trồng mới chè cần phải lưu ý đến nhiều vấn đề quan trọng như: Giống, khả năng lao động, trình độ quản lý kỹ thuật, kế hoạch tổ chức thực hiện, nhằm đảm bảo tỷ lệ sống cao, giảm chi phí đầu tư, rút ngắn thời gian kiến thiết cơ bản sớm đưa vào kinh doanh.

1. Chọn đất trồng chè:

- pH = 4,5 - 5,5.
- Mùn > 2%
- Tầng canh tác = 1 mét.
- Mức nước ngầm > 0,8 mét
- Đất tơi xốp, giữ nước, thoát nước tốt.
- Không nên trồng chè ở đồi dốc lớn hơn 20°.

2. Làm đất - rạch hàng (cuốc hố) - bón phân lót:

a) Làm đất:

Đất được cày (cuốc) sâu 30 - 40cm, cày bừa được tiến hành làm 2 lần, lần cày bừa sau song song với hàng trồng. Tiến hành làm đất trước mùa mưa để diệt cỏ dại và đất có thời gian được để ải.

b) Rạch hàng (cuốc hố):

Dùng cơ giới hoặc thủ công để rạch hàng sâu 40cm, rộng 40cm, hàng cách hàng là 1,6m. Lưu ý trong quá trình rạch hàng, nếu đất có độ dốc thì phải rạch hàng theo đường đồng mức.

c) Bón phân lót:

Bón từ 10 - 20 tấn phân hữu cơ và 1000 kg phân lân (Lân Văn Điển).

3. Thời vụ trồng:

Từ 15 - 5 đến 30 - 7 hàng năm.

4. Mật độ - khoảng cách trồng:

Tùy theo điều kiện đất đai và điều kiện chăm sóc sau này để xác

định với mật độ khoảng cách khuyến cáo như sau:

1,5m x 0,8m	Mật độ 8333 cây/ha
1,6m x 0,6m	Mật độ 10416 cây/ha
1,6m x 0,5m	Mật độ 12500 cây/ha

5. Kỹ thuật trồng:

a) Tiêu chuẩn cây trồng:

Cây con đạt 6 - 8 tháng tuổi.

Cây có từ 6 - 8 lá thật trở lên.

Chiều cao cây từ 25 - 30cm.

Đường kính thân đạt 4 mm.

Sạch sâu bệnh.

Đã trải qua thời gian huấn luyện 1 tháng.

b) Trộn phân lấp hàng (hố):

Sau khi rải toàn bộ phân hữu cơ và phân lân, tiến hành trộn phân đều và lấp hàng (hố) cách mặt đất 10 - 15cm.

c) Kỹ thuật trồng:

Dùng cuốc (xà bách) bấm lỗ cố định cây để đảm bảo mật độ, rải cây theo hàng (hố) sử dụng dao lam để rạch bỏ túi nilon, tránh làm bể bầu đất và đứt rễ, đặt cây vào hố, chú ý phải đặt đứng cây, bề mặt lá xuôi theo chiều gió, lấp đất và nén chặt đất chung quanh cây 10cm để khỏi vỡ bầu đất. Trồng mặt bầu thấp hơn mặt đất 2-3cm. Sau khi trồng sử dụng Basudin 10H, Bam 3H, Regent 0,3G để phòng trị đế, mối, kiến với lượng sử dụng từ 15 - 30kg/ha.

QUY TRÌNH KỸ THUẬT CHĂM SÓC CHÈ CÀNH TB-14

GIAI ĐOẠN CHÈ CON

I- TRỒNG DẶM:

1. Trồng dặm trong năm trồng

Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, để tiến hành trồng dặm nhằm đảm bảo mật độ cây, nên trồng dặm cây cùng tuổi. Khi trồng nên giữ lại thêm 5% số cây để chăm sóc riêng, cây chết đến đâu trồng dặm ngay đến đó.

2. Trồng dặm giai đoạn chè con

Trong năm thứ nhất và thứ hai khi trên lô bị khuyết cây vẫn phải tiến hành trồng dặm để đảm bảo mật độ. Thời vụ trồng dặm là tháng 6 - 7, nên chọn cây sinh trưởng tốt và có chế độ chăm sóc đặc biệt cho những cây trồng dặm.

II- TRỒNG CÂY PHỦ ĐẤT - CÂY CHE BÓNG:

1. Cây phân xanh (Cây che bóng tạm thời)

Để hạn chế việc rửa trôi, xói mòn trong mùa mưa giữ ẩm trong mùa khô, đồng thời cung cấp chất xanh, nâng cao độ phì của đất và làm cây che bóng tạm thời. Sau khi trồng mới chè khoảng 15 ngày nên gieo cây phân xanh giữa 2 hàng chè, cách hàng chè 0,5 mét. Dùng giống các loại cây phân xanh như: Muồng hoa vàng, muồng lá khế, hoặc cây họ đậu ...

2. Trồng cây chắn gió

Xung quanh bờ lô nên thiết kế 1 - 2 hàng cây chắn gió bằng các loại cây như: Muồng đen, Keo đậu Cuba, Keo lá tràm, Keo tai tượng... Trồng cách cây 2 - 3m, hàng cách hàng 2 - 3m.

3. Trồng cây che bóng vĩnh viễn

Sau khi trồng mới 15 - 30 ngày tiến hành trồng các loại cây che bóng vĩnh viễn ở trong lô để cải thiện điều kiện tiểu khí hậu, giúp cho chè phát triển tốt, nên chọn các loại cây có cành tán lá thưa để hạn chế sâu bệnh cho cây chè. Có thể sử dụng cây sầu riêng xanh khổ qua hạt lép để trồng vừa làm cây che bóng đồng thời làm tăng thu nhập. Trồng sầu riêng với khoảng cách (12m x 14m; 10m x 10m).

III- DIỆT CỎ ĐẠI

Cỏ dại là 1 đối tượng nguy hại đối với chè trồng mới và chè con. Cỏ dại tranh chấp điều kiện sống của cây và là nơi trú ẩn của sâu bệnh. Do vậy cần phải giữ cho vườn chè luôn được sạch cỏ. Đối với chè giai đoạn chè con trong khi làm cỏ phải lưu ý tránh làm sây sát cây chè, cỏ trong gốc phải nhổ bằng tay, trong mỗi năm cần tiến hành làm cỏ từ 4 - 6 lần. Vào mùa khô nên kết hợp làm cỏ và tủ gốc.

IV- BÓN PHÂN CHO CHÈ CON

1. Chè năm trồng mới:

Sau khi trồng cần phải cung cấp thêm cho chè 1 lượng phân nhất định để giúp cho cây sinh trưởng tốt với lượng phân cần thiết là 100 - 150 kg urea và 50 - 75kg Kali chia làm 3-4 lần để bón, khi bón phải bón cách xa gốc 10 - 15cm, phải bón lấp.

2. Chè con: (Lượng phân tính cho 1 ha).

- Chè 1 tuổi	150kg urea	75kg Kali	
- Chè 2 tuổi	200kg urea	200kg Lân	100kg Kali
- Chè 3 tuổi	350kg urea	200kg Lân	100kg Kali

10-15 tấn hữu cơ

Lượng phân bón được chia làm 4 - 5 lần để bón trong năm (từ tháng 4 đến tháng 10 hàng năm). Khi bón phải cuốc hố hoặc rạch hàng theo rìa tán để bón, bón xong phải lấp đất. Đối với phân hữu cơ nên bón vào tháng 10 - 11, rạch hàng cách rìa tán chè 10 - 15cm, bón lấp.

V- BẢO VỆ THỰC VẬT

1. Sâu hại: Bọ xít muỗi, Rầy xanh, Bọ cánh tơ, Sâu cuốn lá, Rệp vảy hồng, Nhện đỏ, Bọ hung nâu. Sử dụng các loại thuốc sau đây theo liều lượng khuyến cáo: Sherzol, Sherpa, Bi 58, Pyrinex, Sevin 85 S, Basudin 10H, Comite, Ortus, Nissorun.

2. Bệnh hại: Phồng lá chè, Thối búp, Chấm xám, Tảo đỏ, Dán cao, Lở cổ rễ. Sử dụng các loại thuốc sau đây theo liều lượng khuyến cáo: Champion, CoC 85, Funguran, Boócđô, Benlate C, Rovral, Aliette.

VI- ĐỐN TẠO HÌNH

Khi chè được 2 tuổi, đường kính thân đạt 1cm thì tiến hành đốn tạo hình lần 1 với độ cao từ 45 - 50cm.

Khi chè 3 tuổi đốn tạo hình lần 2 với độ cao, cao hơn vết đốn lần 1

từ 2 - 3cm.

- Thời vụ đốn là tháng 4 hằng năm.
- Dùng dao để đốn, vết đốn phải lóng bóng không dập, xước cành, lưu ý tỉa cành lá.

VII- HÁI TẠO HÌNH

Phải chú ý nuôi cành lá, hái chỉ nhằm mục đích tạo hình và tạo tán.

Sau khi đốn lần thứ 1, nuôi cành lá mới là chủ yếu, chỉ bấm những búp cao hơn mặt tán, nuôi dưỡng những búp rìa tán, hái để tận dụng búp không lưu ý đến chất lượng búp. Sau khi đốn lần thứ 2 sau khi có hơn 50% búp cao hơn vết đốn từ 20 - 25cm thì tiến hành hái theo tiêu chuẩn 1 Tôm + 2,3 lá non, để chừa lại 1 lá cá + 1,2 lá thật. Không được hái những mầm thấp hơn mặt tán.

QUY TRÌNH KỸ THUẬT CHĂM SÓC CHÈ GIAI ĐOẠN CHÈ KINH DOANH

I- DIỆT CỎ - XÓI XÁO - TỬ GỐC:

1. Diệt cỏ

Nhằm hạn chế sự cạnh tranh với cây chè, đi lại thu hái dễ dàng, tiêu diệt nơi trú ẩn của sâu bệnh. Tiến hành các biện pháp làm cỏ trong năm thứ 4 - 6 lần, bằng thủ công hoặc cơ giới, có thể sử dụng biện pháp hoá học bằng các loại thuốc sau:

- Roundup: 2 - 3 lít/Ha phun 400 lít nước/Ha
- Nufarm: 2 - 3 lít/Ha phun 400 lít nước/Ha
- Vifosate: 2 - 3 lít/Ha phun 400 lít nước/Ha

2. Xới xáo - Tủ gốc

Cải thiện lý hoá tính của đất, cải thiện chế độ nhiệt, giữ ẩm, hạn chế cỏ dại. Đất tơi xốp tạo điều kiện cho bộ rễ phát triển tốt. Hàng năm nên tiến hành xới xáo 2 lần vào tháng 5 và tháng 11 dùng biện pháp thủ công hoặc công cụ cải tiến (trâu, bò cày kéo). Tủ gốc vào tháng 11, nguyên liệu tủ là cỏ rác có sẵn trên lô.

II- BÓN PHÂN:

1. Phân hữu cơ

Cung cấp đầy đủ các thành phần dinh dưỡng. Cải tạo chế độ nhiệt, không khí, thành phần cơ giới. Chống lại sự thoái hoá của đất. Nên bón phân hữu cơ cho chè vào tháng 11 trong năm, với lượng phân từ 20 - 30 tấn/ha, 3 năm bón 1 lần. Đào hố hoặc rạch hàng theo tán chè sâu 15 - 20cm để bón, bón xong lấp đất kín.

2. Phân vô cơ

Cung cấp nguồn dinh dưỡng dễ tiêu cho cây chè. Định mức phân bón cho chè trên 1 tấn sản phẩm chè búp tươi là 250kg SA + 60kg Lân + 20kg Kali, tương đương với tỷ lệ 5 : 1,2 : 1,2. Tùy theo năng suất cao hay thấp bón cho thích hợp. (trong trường hợp sử dụng phân Urea thì quy đổi cho thích hợp, SA 21% N, Urea 46% N).

Theo lượng sử dụng trên Ha, chia lượng phân làm 4 lần để bón trong năm theo các tháng 4 - 6 - 8 - 10. Cuốc hố, hoặc rạch hàng theo rìa tán chè để bón, bón lấp.

III- ĐỐN CHÈ:

Phá bỏ các cấp cành già yếu, sâu bệnh, cành tăm hương, tạo độ bằng cho khung tán, kích thích sự hoạt động của các mầm ngủ.

1) Đốn phớt: Phớt nâu - Phớt xanh - Lưu sữa bằng.

2) Đốn lững.

3) Đốn đau.

Tùy theo tình hình sinh trưởng của chè để xác định các loại hình đốn. Khuyến cáo nên đốn chè hàng năm theo các loại hình đốn cao (Đốn phớt). Thời vụ đốn vào tháng 3 dương lịch hàng năm. Kỹ thuật đốn là dùng dao để đốn, vết đốn phải láng bóng không được dập xước cành, mặt cắt phải quay vào giữa tán, độ cao vết đốn phải đồng đều, trong khi đốn phải chú ý tỉa cành lạ.

IV- HÁI CHÈ:

Hái tuân thủ theo quy cách sau:

<u>VỤ</u>	<u>ĐỐN PHỚT</u>	<u>ĐỐN ĐAU</u>	<u>THỜI GIAN</u>
Đầu vụ	Tôm + 2,3 lá	Tôm + 2,3 lá	10-15 ngày/lần
	Cá + 2 chừa	Cá + 3,4 chừa	
Chính vụ	Tôm + 2,3 lá	Tôm + 2,3 lá	7 ngày/lần
	Cá + 1 chừa	Cá + 1 chừa	
Cuối vụ	Tôm + 2,3 lá	Tôm + 2,3 lá	7 ngày/lần
	Cá	Cá	

Lưu ý: Hái phải đảm bảo 3 mối quan hệ, sinh trưởng, năng suất, chất lượng:

- + Hái đúng lứa, không sót hàng, sót búp, sót cây.
- + Xác định lứa hái khi có 30% búp trên lô đủ tiêu chuẩn.
- + Trong quá trình thu hái phải xử lý búp mù.

V- BẢO VỆ THỰC VẬT:

1. Sâu hại:

Bọ xít muỗi, Rầy xanh, Sâu cuốn lá, Nhện đỏ, Bọ hung nâu, Rệp vảy hồng, Sâu đục thân, Mọt đục cành. Sử dụng các loại thuốc sau đây với liều lượng theo khuyến cáo: Sheizol, Sherpa, Bi 58, Pyrinex, Sevin 85 S, Comite, Ortus, Nissorun, Basudin, Alphacy.

2. Bệnh hại:

Phồng lá chè, Chấm xám, Thối búp, Tảo đỏ, Dán cạo. Sử dụng các loại thuốc sau đây với liều lượng theo khuyến cáo: Boócđô, Champion, Coc 85, Funguran, Rovral, Validacin.

, -----